

FOREWORD

Viet Nam is a potential country which has gold forests, silver seas, a unique culture, a steady political system, and an incessantly developing economy. It's a precious destination for friends and business partners from around the world.

Therefore, it's that in order to integrate and interact with Vietnam, the demand of learning Vietnamese and understanding the Vietnam's culture and people of the world community is ever-increasing rapidly.

Author, co-authors and departmental agencies corporate to develop and compile the "VIETNAMESE FOR FOREIGNERS" curriculum set at 4 levels, from basic to advanced, with practical topics.

This "VIETNAMESE FOR FOREIGNERS" textbook of an elementary level consists of 20

lessons from lessons 1 to 4 introduce the alphabet and pronunciation, lessons 5 to 20 teach grammar and vocabulary, and help to practice listening, speaking, reading, and writing (including 3 revision lessons) to provide learners with basic vocabulary and practice to communicate within the Vietnamese community.

By studying Vietnamese culture and experience in teaching foreigners, the authors have gained insight and discovered the difficulties and barriers encountered by Vietnamese learners, so that the authors could compile this curriculum to help learners understand the language with a flexible and applicable method.

The author wishes to receive comments and support from the domestic and international learners or readers.



Author: Hiep Thi Le
AIED CEO

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một đất nước tiềm năng có rừng vàng biển bạc, nền văn hóa độc đáo, chính trị ổn định và có nền kinh tế đang phát triển không ngừng. Chính là điểm đến quý báu của các bạn bè các đối tác trên thế giới. Chính vì thế để hòa nhập và kết nối được với Việt Nam nhu cầu học Tiếng Việt và am hiểu sâu về văn hóa và con người Việt Nam của cộng đồng thế giới càng cao.

Tác giả và đồng tác giả cùng các cơ quan ban ngành phối hợp xây dựng và biên soạn bộ giáo trình “TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI” bộ sách gồm 4 cấp độ từ cơ bản đến nâng cao đi trực tiếp vào các chủ đề thiết thực.

Cuốn Giáo trình “TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI” Cấp cơ bản này bao gồm 20 bài từ bài 1 đến bài 4 giới thiệu bảng chữ cái và phát âm. Từ bài số 5 đến bài 20 sẽ giới thiệu và hướng dẫn ngữ pháp, từ vựng và thực hành hội thoại nghe, nói, đọc, viết theo chủ đề (bao gồm 3 bài ôn tập) nhằm cung cấp cho người học những ngữ liệu thiết yếu cơ bản để hòa nhập với cộng đồng người Việt.

Khi nghiên cứu sâu các văn hóa và các tài liệu tiếng Việt khác kèm theo trải qua nhiều kinh nghiệm giảng dạy cho người nước ngoài tác giả đã chất lọc và kết tinh được những khó khăn và trở ngại của học viên trong việc tiếp thu tiếng Việt nhằm biên soạn ra bộ giáo trình này giúp học viên lĩnh hội được ngôn ngữ bằng phương pháp linh hoạt, kết hợp tiếp thu và áp dụng được ngôn ngữ một cách nhanh nhất.

Trong quá trình biên soạn, tác giả mong nhận được ý kiến và hỗ trợ của các bạn học trong và ngoài nước.



ThS. Lê Thị Hiệp
Tổng Giám Đốc AIED

Người Nhật	Japanese	Người Đức	German
Người Việt Nam	Vietnamese	Người Nga	Russian

NGỮ PHÁP 2

GRAMMAR 2

Hỏi quốc tịch (Ask for nationality)

- Chủ ngữ + là người nước nào (subject + what is your nationality)
- Chủ ngữ + là + quốc tịch (subject + to be + nationality)

Ví dụ (ex): Anh là người nước nào? => Tôi là người Mỹ.



NGỮ ÂM

PRONUNCIATION

Sự khác biệt của thanh điệu (6 thanh điệu)
The difference of the six tones.



LISTENING

Ba	Bà	Bá	Bã	Bả	Bạ
Ca	Cà	Cá	Cã	Cả	Cạ
Da	Dà	Dá	Dã	Dả	Dạ
Ga	Gà	Gá	Gã	Gả	Gạ
Ha	Hà	Há	Hã	Hả	Hạ
La	Là	Lá	Lã	Lả	Lạ

Nghe và nhắc lại (listen and repeat) (giáo viên giải thích sự khác biệt).

Ví dụ (ex): Ba means (father / three), Bà means (grandmother), Ga means (station),

BÀI 4

ĐÂY/ KIA LÀ CÁI GÌ? ĐÂY / KIA LÀ AI? BẠN ĐẾN TỪ ĐÂU?

UNIT 4

WHAT IS THAT / THIS? WHO IS THAT / THIS?
WHERE DO YOU COME FROM?



HỘI THOẠI 1

CONVERSATION 1



LISTENING

Misaki: Chào anh! Tên anh là gì?

Sơn: Chào em! Tên tôi là Sơn, thế còn em?

Misaki: Tên em là Misaki.

Sơn: Em đến từ đâu?

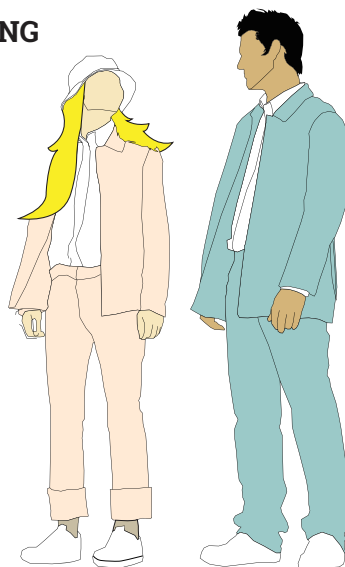
Misaki: Em đến từ Nhật Bản.

Sơn: Kia là ai?

Misaki: Kia là anh Tony, anh ấy đến từ Mỹ.

Sơn: Rất vui được gặp em và Tony.

Misaki & Tony: Rất vui được gặp anh!



TỪ VỰNG 1

VOCABULARY 1



LISTENING

Đây là	This is	Gặp gỡ	Meet
Kia là	That is	Cái gì	What
Ai	Who	Con gì	Animal
Đến từ	Come from / to be from	Cái bút bi	Pen
Thế còn bạn	And you	Ô dù	Umbrella

NGŨ PHÁP 2

GRAMMAR 2

Tính từ sở hữu (possessive adjectives).

Danh từ + của tôi (my + noun)

Ví dụ(ex): Cái bút của tôi = my pen

- Của tôi - My. - **Ví dụ (ex):** Em trai tôi = my younger brother
- Của bạn - Your. - **Ví dụ (ex):** Cái bút của bạn = your pen
- Của Chúng tôi - Our. - **Ví dụ (ex):** Thầy giáo của chúng tôi = our teacher
- Của họ - Their. - **Ví dụ (ex):** Cô giáo của họ = their female teacher
- Của anh ấy - His. - **Ví dụ (ex):** Quyển sách của anh ấy = his book
- Của cô ấy - Her. - **Ví dụ (ex):** Bạn của cô ấy = her friend
- Của nó - Its. - **Ví dụ (ex):** Cái đuôi của nó = its tail
- Của + tên riêng (Name)'s. **Ví dụ (ex):** Mẹ của Lan (Lan's mother)

HỘI THOẠI 3

CONVERSATION 3



LISTENING

Lan: Chào chị, lâu rồi không gặp chị! Chị có khỏe không?

Mrs Hanu: Chị khỏe, cảm ơn Lan. Thế còn em?

Lan: Dạo này, em không được khỏe lắm.

Mrs. Hanu: Thế à! Em giữ gìn sức khỏe nhé!

Lan: Vâng! cảm ơn chị ạ!



TỪ VỰNG 3

VOCABULARY 3



LISTENING

Lâu rồi không gặp	Long time no see	Thế ạ	Are you
Dạo này	Recently	Giữ gìn sức khỏe nhé / nha	Please take care of yourself
Có khỏe không	How are you?	Vâng	Yes
Khỏe / tốt	Fine / ok	Ốm	Sick
Không được khỏe lắm	Not bad / not fine a bit	Đau đầu	Headache

NGŨ PHÁP 3

GRAMMAR 3

Hỏi sức khỏe (Ask for health)

Chủ ngữ + có khỏe không? = Chủn gữ + động từ / tính từ chỉ tình trạng sức khỏe
Subject + how are you? = Subject + to be / V + adjectives

Ví dụ (ex): Hôm nay em có khỏe không? => Em khỏe cảm ơn anh ạ!

2. Dịch những câu sau sang tiếng Anh.
(Translate these sentences into English)

a. Chào anh. Em là kỹ sư.

.....

b. Xin lỗi, tôi muốn gặp bác sĩ.

.....

c. Xin lỗi, bạn đang làm ở công ty nào?

.....

d. Em là Lan. Em đang là sinh viên năm thứ nhất.

.....

3. Điền 1 đến 2 từ vào đoạn văn ngắn sau.
(Fill from one to two words in the short conversation).

Chào (1).....,

Anh tên (2).....

Matthew. Anh (3)giáo viên dạy tiếng Anh

Chào (4),

Em tên (5)Shara .

Em là (6)trong công ty .

Rất vui (7)anh!

4. Đọc to đoạn văn sau và đọc rõ âm của các thanh điệu đã được gạch chân.
(Read this paragraph and pronounce clearly the tones which are highlighted below).

Buổi sáng tại bệnh viện, bác sĩ thường rất bận rộn với công việc khám bệnh cho mọi người. Bệnh nhân thường xếp hàng dài để chờ đến lượt. Các cô y tá đang hướng dẫn cách đăng ký và làm thủ tục cho mọi người.

Buổi sáng	Morning	Bận rộn	Busy
Chờ	Wait	Hướng dẫn	Guide
Thủ tục	Procedure	Đăng ký	Registration

HỘI THOẠI 2

CONVERSATION 2



LISTENING

Sơn: Con chào thầy, lâu rồi không gặp thầy, thầy có khỏe không ạ?

David: Thầy chào Sơn, dạo này thầy vẫn khỏe, còn con thế nào?

Sơn: Em vẫn khỏe cảm ơn thầy ạ!

David: Tôi có kế hoạch đi đến Việt Nam vào cuối tháng 10, tôi sẽ có 1 tháng ở Việt Nam và sẽ đi 2 nơi Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Thế thời tiết ở đó thế nào?

Sơn: Ôi, tuyệt quá, con mời thầy đến Việt Nam ạ! Thời tiết ở Việt Nam có sự khác nhau giữa Miền Bắc và miền Nam. Miền Bắc có 4 mùa, Xuân, Hạ, Thu, Đông còn miền Nam có 2 mùa mùa mưa và mùa khô. Vì thế nếu thầy đến dịp này Hà Nội rất lạnh còn Hồ Chí Minh thì ấm áp.

David: Thật thú vị, thế nhiệt độ của hai miền mùa này như thế nào?

Sơn: Dạ! Hà Nội khoảng từ 8 độ đến 19 độ, còn Thành phố Hồ Chí Minh khoảng từ 20-29 độ.

David: Cảm ơn con nhé.

Sơn: Dạ không có gì ạ!



TỪ VỰNG 1

VOCABULARY 1



LISTENING

Kế hoạch	Plan	Mùa mưa và mùa khô	Rainy / dry season
Cuối	End of	Đến	Come
Nơi / địa điểm	Place	Dịp này	This occasion
Mời	Invite	Ấm áp	Warm
Sự khác nhau	Differences	Nhiệt độ	Temperature
Giữa	Between	Miền	Region
Từ - đến	From - to	Khoảng / âm	About / minus

NGỮ PHÁP 1

GRAMMAR 1

Hỏi nhiệt độ (Ask about temperature).

Nhiệt độ ở + địa điểm + là (bao nhiêu / như thế nào)?
= Nhiệt độ ở + địa điểm + là + (độ C) .
(Temperature at + place + is (how much / what's?
= Temperature at + place + is + (degree Celsius)

Ví dụ (ex): - Hôm nay nhiệt độ ở Tokyo là bao nhiêu? => Hôm nay nhiệt độ ở Tokyo là khoảng 14 độ C.

- Nhiệt độ ở đó như thế nào? (What's the temperature there?)
- Nó rất lạnh, xuống âm 10 độ C. (It's very cold and minus 10 degrees celsius).



NGŨ ÂM

PRONUNCIATION

Phân biệt các nguyên âm O / Ô - E / Ê
(Identify vowel sounds O / Ô - E / Ê).



LISTENING

1. O / Ô

	O	Ô
T	To	Tô
Đ	Đo	Đô
L	Lo	Lô
Nh	Nho	Nhô
Kh	Kho	Khô
N	No	Nô

2. E / Ê

	E	Ê
T	Te	Tê
Đ	Đe	Đê
L	Le	Lê
Nh	Nhe	Nhê
Kh	Khe	Khê
N	Ne	Nê

THỰC HÀNH

PRACTICE

1. Dịch những câu sau sang tiếng Anh.
(Translate these sentences into English)

a. Bạn có thích mùa hè ở Việt Nam không? Tôi không thích vì nó rất nóng.

b. Ở Việt Nam có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

TỪ VỰNG 1

VOCABULARY 1



LISTENING

Hợp tác	Corporate	Xã hội chủ nghĩa	The socialist republic
Đầu tư	Invest	Trả lời	Answer
Nhộn nhịp	Noisy	Sẵn lòng / sẵn sàng	Be ready
Không trong lành lắm	Stuffy	Tập đoàn	Group
Khá mát mẻ	Quite cool	Bất động sản	Real estate
Một số vùng	Some regions	Có thể cho anh biết	Can you let me know?
Nghe nói	I heard	Một số điều về	Some things about...

NGỮ PHÁP 2

GRAMMAR 2

Cấu trúc có tính từ không ? (have...not?)

(+) Chủ ngữ + có + tính từ + không? = Tất nhiên / có / không / chủ ngữ + tính từ.
 (Subject + have + adjective + not? = of course, have / no / subject + adjective).

Ví dụ: Cuốn sách này có hay không? Có ạ, nó rất thú vị đấy ạ
 Is this book nice one ? => Yes, it's very interesting.

NGỮ ÂM

PRONUNCIATION

Đọc các phụ âm sau (Read these consonants below)



LISTENING

1. Phụ âm : A - O - Ô - U

	A	O	Ô	U
M	Ma	Mo	Mô	Mu
N	Na	No	Nô	Nu
Nh	Nha	Nho	Nhô	Nhu
Ng	Nga	Ngo	Ngô	Ngu

2. Phân biệt Y / I (identify Y / I)

	Y	I
Ba	Bay	Bai
Ga	Gay	Gai
Ma	May	Mai
Na	Nay	Nai
Qua	Quay	Quai
Sa	Say	Sai

HỘI THOẠI 2

CONVERSATION 2



LISTENING

Hà: Chào chị, chị muốn mua gì ạ?

Lee Sang He: Chào em, chị muốn mua cam và táo.

Hà: Dạ chị, ở đây chỉ bán cam và xoài thôi ạ

Lee Sang He: Cửa hàng mình loại xoài nào rẻ nhất và loại nào đắt nhất em? Chất lượng như thế nào?

Hà: Cửa hàng em có loại xoài của Mỹ là đắt nhất chị ạ, còn xoài Thái cũng đắt nhưng rẻ hơn xoài Mỹ một chút.

Lee Sang He: Thế thì em bán cho chị 5 kilogram nhé.

Hà: Dạ của chị đây ạ!



TỪ VỰNG 2

VOCABULARY 2



LISTENING

Mua	Buy	Cửa hàng	Store
Cam	Orange	Loại	Loại
Táo	Apple	Nhất	Most / adj + est
Chỉ	Only	kilogram	Kg
Xoài	Mango	Thái	Thailand

So sánh nhất.

Chủ ngữ + (là loại) tính từ + nhất / loại nào (kind of)
(Subject + (be kind of) adjective + the most / est).

Ví dụ (ex): - Xoài Mỹ là loại đắt nhất chị ạ.

(American mango is the most expensive one).

- Quyển sách này là hay nhất trong hiệu sách này đây ạ.

(This book is the best one on this bookshelf).

So sánh kém hơn.

Chủ ngữ 1 + kém + tính từ + hơn + so với + chủ ngữ 2.
(S1 + less + adj + than + compare to + s2).

Ví dụ (ex): - Cậu ấy kém thông minh hơn so với Sơn.

(He is less intelligent than Son).

- Lan kém xinh xắn hơn so với Phương.

(Lan is less pretty than Phuong).

So sánh bằng

(+) Chủ ngữ 1 + tính từ + bằng + chủ ngữ 2 (S1 + as + adj + as + s2)
(-) Chủ ngữ 1 + không + tính từ + bằng + chủ ngữ 2. (S1 + be (not) as + adj + as + S2).

BÀI 14 BẠN SỐNG Ở VIỆT NAM BAO LÂU RỒI?
UNIT 14 HOW LONG HAVE YOU BEEN LIVING IN VIETNAM?

Hồng hồng		Khắc khổ	
Hồng hộc		Khắc khứ	
Hơ hớ		Khăm khăm	
Hơi hơi		Khăng khăng	
Hỗn hào		Khẳng kheo	
Hồn hậu		Khăng khít	
Hống hách		Khẩn khoản	
Kèo kéo		Khấp kha khấp khểnh	
Kèo nèo		Khập khả khập khiểng	
Kể lể		Khắt khe	

Ví dụ (ex): - Ông ấy đã đối đãi rất khắt khe với vợ và con.

- Cậu bé đó đã hỗn hào với ba mẹ cậu
- Hôm nay thời tiết hơi hơi khó chịu.
- Cô ấy cố gắng xin phép sếp nghỉ một cách khẩn khoản.

THỰC HÀNH

PRACTICE

**1. Sắp xếp những từ sau thành câu hoàn chỉnh
 (Reorder these words to make correct sentences)**

a. tôi / tuần trước / đến / đã / trung tâm tiếng Pháp.

.....

b. hợp đồng / kí / chúng ta / đã / 1 năm / được / rồi.

.....

c. năm ngoái / tôi / đã / tốt nghiệp / đại học.

.....

d. Cô ấy / 1 bộ phim / xem / vừa mới / khoa học viễn tưởng.

.....

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính:

Số 46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 0084.24.38253841 - Fax: 0084.24.38269578

Chi nhánh:

Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0084.28.38220102
Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

Tiếng Việt cho người nước ngoài - Vietnamese For Foreigners (Chương trình sơ cấp - Elementary Level) (Audio CD)

Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Bùi Hương Giang
Vẽ bìa: Nguyễn Hương Thảo
Trình này: Nguyễn Hương Thảo & Matthew Keppler
Sửa bản in: Matthew Keppler, Alexander Sutton,
Đinh Thị Hồng Ngọc, Trương Khánh Hương,
Stuart Kewley, Lê Thị Hiệp, Nick Schofield,
Nicole Findlay & AIED team.

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Quốc tế AMAIN

Địa chỉ: Số 7, ngõ 66 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Tel: (+84) 24 3212 3208 Mobile: 098 143 3046
Email: info@aied-co.com | www.aied-co.com

In 2.000 bản, khổ 18 cm x 26 cm tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Trần Gia
Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Mipec Tower, 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, quận Đống Đa,
TP. Hà Nội

Xưởng SX: 460 Trần Quý Cáp, Văn Chương, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Số xác nhận ĐKXB: 2822-2018/CXBIPH/05-212/ThG.

Quyết định xuất bản số: 918/QĐ-ThG cấp ngày 24 tháng 08 năm 2018.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018. Mã ISBN: 978-604-77-5060-3